

Bản án số: 123/2025/HS-ST
Ngày 12-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hoạt và Bà Trương Thị Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký viên, Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Đàm Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 131/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 678/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2025 đối với:

Bị cáo **Thẩm Thị T**; Tên gọi khác: không có;

Sinh ngày 01 tháng 10 năm 1961 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xã H, tỉnh Cao Bằng);

Nơi cư trú: Xóm Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xã H, tỉnh Cao Bằng);

Nghề nghiệp: Hưu trí, Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Thẩm Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị H (sinh năm 1938); Có chồng: Hoàng Văn C1 và 02 con, con cả sinh năm 1985; con út sinh năm 1986;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/9/2024 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 10 năm tù về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.

Bị cáo bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 80-QĐ/UBKTHU ngày 19/4/2024 của Huyện Ủy huyện H.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C (Có mặt).

- *Bị hại:* Công ty Cổ phần T2; Địa chỉ: Phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xã H, tỉnh Cao Bằng). Đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1959; Chức vụ: Giám đốc (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nông Đình Ngọc L, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Tổ C, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (nay là phường N, tỉnh Cao Bằng) (Có mặt)

2. Bà Nông Thị T1, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Xóm Đ, xã V, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xã V, tỉnh Cao Bằng) (Vắng mặt).

3. Ông Thẩm Văn Đ, sinh năm 1959; Địa chỉ: Xóm Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xã H, tỉnh Cao Bằng) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Bà Nông Thị P, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Xóm Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xã H, tỉnh Cao Bằng) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Ông Hoàng Thẩm V, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Xóm Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xã H, tỉnh Cao Bằng) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Ông Nông Đình H1; Địa chỉ: Tổ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (nay là phường T, tỉnh Cao Bằng) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Thẩm Thị T:* Ông Nông Văn D - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/5/2024 bà Thẩm Thị T gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tố cáo bà Đinh Thị N là Giám đốc Công ty Cổ phần T2 chiếm đoạt của bà T số tiền 2.500.000.000 đồng. Đến ngày 06/10/2024 bà Đinh Thị N có đơn tố cáo lại bà Thẩm Thị T lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Công ty cổ phần T2 số tiền 4.012.334.978 đồng. Ngày 31/12/2021 bà T đã nộp lại cho Công ty số tiền 2.547.000.000 đồng, đến nay bà T còn chưa trả Công ty số tiền 1.465.334.978 đồng.

Mở rộng điều tra xác định được: Công ty Cổ phần T2 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh C giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào năm 2005, địa chỉ trụ sở chính tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Ngành nghề kinh doanh gồm xăng dầu, buôn bán tổng hợp và các ngành khác. Người đại diện theo pháp luật của công ty là bà Đinh Thị N - Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm giám đốc Công ty, bà Thẩm Thị T được giao nhiệm vụ là thủ quỹ Công ty với nhiệm vụ cụ thể là: Thu tiền bán hàng của các quầy, thu các khoản nợ của khách hàng qua chuyên khoản, thu tiền trực tiếp của khách; chi chuyên trả qua tài khoản hoặc trực tiếp theo phiếu chi hóa đơn hàng hóa chứng từ đã được lãnh đạo Công ty phê duyệt, hàng tháng thủ quỹ và kế toán công ty tiến hành đối chiếu thu chi trên sổ sách theo quy định.

Ngày 30/3/2021 Công ty Cổ phần T2 thành lập tổ kiểm tra đối chiếu sổ sách, quỹ của công ty với thành phần gồm bà N1 Đinh Ngọc L - Giám đốc công ty được bà Đinh Thị N ủy quyền. Kết quả kiểm tra xác định quỹ của công ty còn tồn như sau:

- + Quỹ khấu hao còn tồn 82.281.566 đồng;
- + Quỹ tiền mặt B2 còn tồn 130.809.339 đồng;
- + Quỹ via hè còn tồn 61.200.000 đồng;
- + Số tiền lương năm 2020 công ty đã kê trả cho người lao động nhưng bà Thẩm Thị T chưa trả cho người lao động số tiền 191.804.239 đồng;

Tổng cộng quỹ tiền mặt còn tồn là 466.095.144 đồng nhưng khi kiểm tra kết của công ty do bà T quản lý thì không còn tiền.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, trên cơ sở đối chiếu sổ sách có trong hồ sơ vụ án xác định: Trong thời gian làm thủ quỹ từ năm 2008 đến ngày 31/12/2021 bà Thẩm Thị T đã xâm tiêu, làm thất thoát tiền của Công ty Cổ phần T2 như sau:

- + Quỹ tiền mặt B1: 383.268.515 đồng;
- + Quỹ tiền mặt B2: 130.809.339 đồng;
- + Quỹ khấu hao: 82.281.566 đồng;
- + Quỹ via hè: 61.200.000 đồng;
- + Số tiền lương năm 2020 đã chi ra để trả cho người lao động nhiều hơn so với thực tế người lao động được hưởng là 179.488.546 đồng. Tiền lương tháng 1, tháng 2, tháng 3, tháng 4 năm 2021 người lao động chưa được hưởng là 205.059.600 đồng. Tổng cộng là 384.548.146 đồng;
- + Thiếu tiền bán hàng 500.000.000 đồng;
- + Số tiền Công ty đã xuất ra để trả tiền mua xăng dầu nhưng bà T chưa trả cho các công ty là 1.474.343.970 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền là 3.016.451.146 đồng; Sau khi Công ty kiểm tra phát hiện thiếu tiền bà T đã tự giác trả lại cho Công ty E lần với tổng số tiền là 2.535.000.000 đồng và trừ số tiền lương của bà T được hưởng là 12.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2021 bà Thẩm Thị T tham ô của Công ty Cổ phần T2 tổng số tiền là 469.451.146 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị truy tố Thẩm Thị T về tội Tham ô tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 44/CTr-VKSCB-P1 ngày 29/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Thẩm Thị T về tội Tham ô tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố là đúng. Tuy nhiên, bị cáo trình bày không được xâm tiêu

số tiền 469.451.146 đồng, việc quản lý kết của công ty do một mình bị cáo quản lý. Trong quá trình quản lý kết không xảy ra mất trộm, mất tiền trong kết. Theo bị cáo số tiền thiếu hụt là do ông Tô Văn N2 (cùng công ty) nộp tiền thiếu, nhưng bị cáo không có căn cứ để chứng minh. Việc quản lý tiền mặt của thủ quỹ là do bị cáo có sai sót, khi kiểm tra sổ và tiền mặt không khớp bị cáo vẫn ký vào biên bản là đủ số tiền, số tiền này bị cáo không được xâm tiêu nhưng không có căn cứ để chứng minh.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bà Đinh Thị N trình bày: Bà là Giám đốc Công ty Cổ phần T2, khi bà đi chấp hành án thì con gái bà là Nông Đình Ngọc L làm Giám đốc công ty, sau khi đi chấp hành án về chức vụ Giám đốc công ty do bà đảm nhiệm. Trong quá trình quản lý bà phát hiện ra quỹ tiền mặt của công ty không còn. Do đó, bà đã yêu cầu kiểm tiền trên sổ sách và tiền mặt tại kết của công ty và đã lập biên bản về việc kiểm kê. Toàn bộ tài liệu chứng cứ đã nộp để làm căn cứ. Tại phiên toà: Bà yêu cầu xử đúng người đúng tội và yêu cầu bị cáo bồi thường cho công ty số tiền 469.451.146 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bà N1 Đinh Ngọc L trình bày: Khi mẹ bà là bà Đinh Thị N bị khởi tố và đi chấp hành án thì bà quản lý công ty với vai trò Giám đốc. Tại thời điểm bà đảm nhiệm chức vụ, do bà T thông tin cho bà nên bà biết quỹ tiền mặt của công ty không còn, tuy nhiên bà không lập biên bản. Khi bà N quay về đảm nhận chức vụ giám đốc, công ty lập biên bản đối chiếu thì bà có tham gia và ký vào biên bản. Tại phiên toà bà yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả lại cho công ty số tiền 469.451.146 đồng.

Trong quá trình điều tra bà Nông Thị P1 trình bày: Bà là nhân viên bán xăng của công ty, hiện nay đã nghỉ việc. Năm 2020 và 4 tháng đầu năm 2021 bà chưa nhận được tiền lương, mức lương 4.000.000 đồng/ 01 tháng, bà mong muốn được nhận tiền lương mà bà chưa được chi trả.

Trong quá trình điều tra bà Nông Thị T1 trình bày: Từ năm 2010 bà làm kế toán của công ty. Bà có được tham gia kiểm tra sổ sách kế toán, quỹ tiền mặt, quỹ tiền gửi của công ty từ năm 2008 đến ngày 30/6/2021, hôm kiểm tra có cả bà T tham gia, bà T cùng bà đối chiếu, cộng số liệu và khi kiểm tra xong lập biên bản thì mọi người tham gia cùng ký vào biên bản, bà N đọc cho bà T để bà T viết nội dung trong biên bản. Bà thấy nội dung và số liệu trong biên bản đúng thực tế và khách quan, khi viết và ký biên bản không ai bị đánh đập, ép buộc. Tại thời điểm kiểm tra không mở kết của công ty vì bà T trình bày kết không có tiền, tiền đã thâm hụt lâu, mỗi năm một ít nên không có tiền trong kết. Từ năm 2020 đến năm 2022 bà chỉ nhận được tiền lương là 1.700.000 đồng/ 01 tháng (bằng $\frac{1}{2}$ số tiền lương hàng tháng). Từ năm 2023 đến khi bà bị bắt, khởi tố bà có nhận được khoảng 20.000.000 đồng tiền lương. Công ty còn nợ tiền lương của bà khoảng 100.000.000 đồng. Ngoài ra, bà có làm đơn gửi đến Ban Giám đốc Công an tỉnh C tố cáo bà Đinh Thị N đã chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng của bà và tố cáo hành vi vi phạm của bà N trong việc chủ đạo, điều hành các công việc của công ty không đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra ông Thẩm Văn Đ trình bày: Ông là nhân viên

bán xăng tại công ty từ năm 2016 đến năm 2023, mức lương 4.000.000 đồng /01 tháng. Từ cuối năm 2020 cho đến đầu năm 2021 ông không được nhận lương. Ông không yêu cầu Công ty thanh toán khoản tiền lương còn thiếu cho ông.

Trong quá trình điều tra ông Hoàng Thắm V trình bày: Ông làm việc tại công ty từ năm 1989 đến tháng 6/2020 thì nghỉ chế độ hưu trí. Công việc cụ thể là kế toán, năm 2014 đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc công ty. Năm 2020 ông không nhận được tiền lương do công ty gặp khó khăn, 6 tháng đầu năm 2021 ông được nhận tiền lương.

Tại đơn trình bày ông Nông Đình H1 trình bày: Ông công tác tại Công ty đã hơn 10 năm. Từ năm 2020 đến 6 tháng đầu năm 2021 hầu như ông chưa nhận được lương. Ông đề nghị làm rõ vụ việc theo quy định của pháp luật và yêu cầu bà T hoàn trả lại số tiền lương Công ty đã chi ra để chi trả lương cho ông.

Tại phần tranh luận Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Thắm Thị T về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Thắm Thị T phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thắm Thị T từ 07 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt 10 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 113/2024/HSST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần T2 số tiền 469.451.146 đồng.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Xử lý vật chứng: Không có; Án phí: Bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Từ năm 2008 đến ngày 31/12/2021 bị cáo giữ chức vụ thủ quỹ; Do việc giám sát lỏng lẻo nên thất thoát số tiền 469.451.146 đồng do bị cáo quản lý nên bị cáo phải chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến những vấn đề sau: Do việc quản lý của công ty chỉ đối chiếu tiền trên sổ sách nên thất thoát số tiền lớn trong thời gian dài. Bị cáo không lường được hết hậu quả xảy ra, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo trình bày không được tiêu số tiền này nhưng vẫn thừa nhận trách nhiệm của thủ quỹ trong việc quản lý tiền mặt là sai. Về tình tiết giảm nhẹ nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị là 07 năm tù. Về án phí: Bị cáo được miễn án phí. Về trách nhiệm dân sự: Hiện nay bị cáo không có khả năng bồi thường, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Thắm Thị T nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến bổ sung lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Bà N, bà L nhất trí với ý kiến của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận tại phiên toà.

Tại lời nói sau cùng bị cáo trình bày: Bị cáo đã tuổi cao, sức khoẻ yếu, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, những người tham gia tố tụng có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến ngày 31/12/2021 bị cáo là thủ quỹ, quản lý tiền quỹ của Công ty Cổ phần T2, bị cáo đã gây thất thoát, chiếm đoạt của Công ty Cổ phần T2 số tiền 469.451.146 đồng

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, gây hậu quả nặng nề về kinh tế, làm thất thoát, ảnh hưởng đến hoạt động của công ty và các cá nhân liên quan. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, nhằm mục đích để được hưởng lợi về kinh tế, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của Công ty với chức trách, nhiệm vụ được giao trong một thời gian dài đã xâm tiêu tiền quỹ của Công ty.

Tại phiên toà bị cáo thừa nhận có thiếu sót trong việc quản lý quỹ tiền mặt do bị cáo quản lý, tuy nhiên bị cáo không được xâm tiêu số tiền 469.451.146 đồng nhưng bị cáo không có căn cứ để chứng minh.

Do đó hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 24/9/2024 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phạt 10 năm tù về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” và đang chấp hành án. Do quá trình điều tra mở rộng vụ án Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng đã phát hiện và khởi tố bị cáo về tội Tham ô tài sản nên không coi là tiền án đối với bị cáo và cần tổng hợp

hình phạt của bản án số 133/2024/HS-ST ngày 24/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Cao bằng đối với bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo có bố, mẹ để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Hội đồng xét xử xét thấy phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời để làm gương, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên và Người bào chữa: Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị về hình phạt của Kiểm sát viên và Người bào chữa là thấp, không tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo có nhân thân xấu, số tiền chiếm đoạt là 469.451.146 đồng, số tiền này gần đến mức tối đa của khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự, bị cáo chưa bồi thường khắc phục hậu quả. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc hơn, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T2 số tiền 469.451.146 đồng

[7] Về xử lý vật chứng: Không có.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp miễn tiền án phí. Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với yêu cầu tố cáo của bà Nông Thị T1 với bà Đinh Thị N khi có đủ căn cứ sẽ giải quyết trong vụ án khác.

Đối với tiền lương còn chưa chi trả cho bà T1, bà P1, ông V, ông H1: Các ông, bà ký hợp đồng lao động với Công ty và do Công ty trả lương nên về vấn đề tiền lương chưa chi trả các ông, bà có quyền khởi kiện trong một vụ án dân sự khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Thẩm Thị T phạm tội “*Tham ô tài sản*”

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thẩm Thị T 10 năm tù.

Áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 10 năm tù tại bản án số 113/2024/HS-ST ngày 24/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Cao

Bằng buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 20 năm tù, tính từ ngày 04/4/2024.

2. Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo Thẩm Thị T phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T2 số tiền 469.451.146 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm năm mươi một nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Viện Công tố & Kiểm sát xét xử PT;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra;
- THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng GĐKT, TT&THA;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án, HCTP;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thùy Ngân